

STT	DANH MỤC KHÁM	DIỄN GIẢI	Số tiền-VND
I. KHÁM TỔNG QUÁT			
1	Khám thể lực (Đo huyết áp, cân nặng, chiều cao, chỉ số BMI).	- Lập sổ KSK định kỳ - Tổng hợp, đánh giá, phân loại sức khỏe cho doanh nghiệp. - Tư vấn và điều trị bệnh lý cho cá nhân khi có bệnh.	500.000
	Khám Nội tổng quát		
	Khám Ngoại tổng quát		
	Khám Da liễu		
	Khám Răng Hàm Mặt		
II. KHÁM CHUYÊN KHOA			
2	Khám Chuyên khoa Nội tổng quát (đau đầu, chóng mặt, đau bụng,...)	Khám chuyên sâu hơn các bất thường, nhằm nâng cao hiệu quả điều trị	500.000
3	Khám Chuyên khoa Ngoại tổng quát		500.000
4	Khám Chuyên khoa Da liễu		500.000
5	Khám Chuyên khoa Răng hàm mặt		500.000
6	Khám Chuyên khoa Phụ khoa		500.000
II. CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH CƠ BẢN			
7	Chụp Xquang ngực thẳng	Tầm soát lao phổi, bệnh lý phổi, màng phổi do nguyên nhân khác.	200.000
8	XQ cột sống thắt lưng (thẳng, nghiêng)	Tầm soát bệnh lý cột sống thắt lưng.	200.000
9	XQ cột sống cổ (thẳng, nghiêng)	Tầm soát bệnh lý sột sống cổ	200.000
10	Điện tâm đồ (ECG)	Tầm soát rối loạn nhịp tim, bệnh tim thiếu máu cục bộ.	100.000
11	Siêu âm Bụng tổng quát	Tầm soát Sỏi niệu, Sỏi mật (cả nam và nữ) - u xơ tiền liệt tuyến (nam) - u nang buồng trứng (nữ)	500.000
12	Siêu âm Tuyến vú	Tầm soát bệnh lý tuyến vú	500.000
13	Siêu âm Tuyến giáp	Tầm soát bệnh lý tuyến giáp	500.000
14	Siêu âm khớp	Chuẩn đoán viêm khớp	500.000
15	Siêu âm Doppler tim	Tầm soát bệnh lý van tim, cơ tim, bệnh tim thiếu máu cục bộ.	1.000.000
16	Siêu âm Doppler mạch máu (Động mạch cảnh)	Đánh giá tình trạng thoái hóa, tắc nghẽn động mạch hoặc các vấn đề khác có ảnh hưởng đến lưu lượng máu đến não	500.000
17	Siêu âm Doppler mạch máu (tĩnh mạch chi dưới)	Chẩn đoán và định hướng điều trị các bệnh lý về mạch máu, đặc biệt là huyết khối tĩnh mạch sâu	500.000
18	Siêu âm phần mềm (Da, tổ chức dưới da, cơ,..)	Tầm soát các bệnh lý như viêm cơ, các khối u phần mềm, viêm gân,...	500.000
19	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo	Phát hiện bệnh lý tử cung và phần phụ	500.000
20	Soi Cổ tử cung	Phát hiện bất thường tại tử cung, phát hiện ung thư cổ tử cung	350.000
21	Chụp nhũ ảnh	Tầm soát bệnh lý tuyến vú, phát hiện sớm ung thư vú	680.000
22	Đo loãng xương 2 bộ phận	Đánh giá mật độ xương	400.000
23	Thổi hơi thở tìm Vi trùng bao tử	Tim vi khuẩn H.P (Phải nhịn ăn sáng khi đến Bệnh viện khám Phải có sự tư vấn của Bác Sĩ)	800.000
24	XQ Combean CT 3D	Chẩn đoán xương	2.000.000
II. XÉT NGHIỆM			
1. Huyết học			
25	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	Tầm soát bệnh thiếu máu, bất thường tế bào máu	150.000
26	Định nhóm máu A, B, O (kỹ thuật trên thẻ)	Xác định nhóm máu (ABO) và nhóm máu Rh	150.000
27	Định lượng Albumin	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng, phản ánh sức khoẻ miễn dịch	100.000
28	XN đường máu	Tầm soát bệnh lý tiểu đường	100.000
29	Định lượng HbA1c		250.000
30	ALT, AST (Men gan)	Khảo sát chức năng gan	100.000
31	ALP	Đo Phosphatase kiềm, chuẩn đoán tắc mật	50.000
32	Định lượng Bilirubine (Total, Direct, Indirect)	Khảo sát chức năng tạo mật, chuẩn đoán tắc mật	120.000
33	XN GGT	Khảo sát tổn thương gan do rượu	100.000
34	Định lượng Ure, Creatinine	Khảo sát chức năng thận	120.000
35	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	Tầm soát rối loạn điện giải	160.000
36	Định lượng Vitamin D	Đánh giá tình trạng thiếu hụt vitamin D để chẩn đoán còi xương, loãng xương,	380.000
37	Định lượng calci toàn phần	Đánh giá tình trạng thiếu canxi	160.000
38	Calci ion hoá (Ca++)	Chẩn đoán chính xác nồng độ Canxi tự do (không liên kết với protein) trong máu	150.000
39	Định lượng Acid uric	Tầm soát bệnh Goute	100.000
40	Định lượng Lipoprotein (a)	Tầm soát nguy cơ rối loại mỡ máu di truyền, hỗ trợ đánh giá nguy cơ tim mạch tiềm ẩn, làm ít nhất 1 lần trong đời	200.000
41	Bộ mỡ (Triglycerid, LDL, HDL, Cholecterol)	Tầm soát rối loạn lipid máu.	160.000

42	HCV Ab Miễn dịch tự động	Phát hiện bệnh Viêm Gan C	170.000
43	HCV PCR	Định lượng viêm Gan C dành cho người đã nhiễm viêm gan C	900.000
44	HBsAg Miễn dịch tự động	Phát hiện bệnh Viêm Gan B	150.000
45	HBs ab định lượng	Tìm kháng thể Viêm Gan B	150.000
46	HBeAg miễn dịch tự động	Đánh giá tiến triển của viêm gan B mạn, dành cho người đã nhiễm siêu vi B	150.000
47	Định lượng viêm gan B PCR	Dành cho người đã nhiễm siêu vi B	540.000
48	Helicobacter Pylori - test nhanh	Tầm soát vi khuẩn gây bệnh lý dạ dày.	130.000
49	Định lượng FT4, TSH, FT3	Tầm soát bệnh lý tuyến giáp	270.000
50	Định lượng PTH	Hormone tuyến cận giáp, tầm soát các bệnh: Cường cận giáp, Loạn dưỡng xương, Suy cận giáp	210.000
51	Định lượng Photphos	Chẩn đoán và theo dõi các rối loạn liên quan đến phospho, như bệnh xương, bệnh thận, rối loạn tuyến giáp	100.000
52	Anti HAV (IGM)	Tầm soát siêu vi A	150.000
53	XN Anti HEV IgM	Tầm soát siêu vi E	150.000
54	Rubella (IgM, IGG)	Phát hiện nhiễm Rubella	600.000
55	Morphin nước tiểu	Tầm soát heroin trong nước tiểu	180.000
56	RF	Tầm soát chứa năng khớp.	100.000
57	HIV- test nhanh	Kiểm tra HIV	300.000
58	HIV	Tải lượng virus HIV	1.100.000
59	Transferrin	Đánh giá tình trạng thiếu máu thiếu sắt	100.000
60	Điện di Hemoglobin	Tầm soát bệnh lý thiếu máu di truyền	450.000
61	Định lượng Ferritin	Kiểm tra lượng Sắt đang trữ trong máu	200.000
62	Định lượng sắt huyết thanh	Tầm soát bệnh Thiếu máu, Thiếu sắt Xác định lượng sắt đang lưu hành trong máu	50.000
2. Nước tiểu			
63	Tổng phân tích nước tiểu 10 thông số	Phát hiện viêm tiết niệu và những dấu hiệu sớm của bệnh lý thận.	50.000
3. Tầm soát ung thư			
64	Định lượng CEA	Tầm soát ung thư đại tràng	200.000
65	Định lượng AFP	Tầm soát ung thư Gan	200.000
66	Định lượng CA 19-9	Tầm soát ung thư đường tiêu hoá	200.000
67	Định lượng CA 72-4	Tầm soát ung thư dạ dày	200.000
68	Định lượng PSA toàn phần	Tầm soát ung thư tiền liệt tuyến	200.000
69	Định lượng Free PSA	Đánh giá nguy cơ ung thư tuyến tiền liệt	200.000
70	Định lượng CYFRA 21.1	Tầm soát ung thư phổi	200.000
71	Định lượng CA 15.3	Tầm soát ung thư vú	200.000
72	Định lượng CA 125	Tầm soát ung thư buồng trứng	200.000
4. Tầm soát nhiễm ký sinh trùng			
73	Gnathostoma trong máu (chạy tự động)	Giun đầu gai	200.000
74	Echinococceces (chạy tự động)	Giun sán chó	200.000
75	Schistosoma mansoni (chạy tự động)	Giun sán máng	200.000
76	Fasciola(IgG) (chạy tự động)	Giun sán lá lớn ở gan	200.000
77	Strongyloides Stercoralis (chạy tự động)	Giun lươn	200.000
78	Toxocara canis (chạy tự động)	Giun đũa chó (thường gặp)	200.000
79	Paragonimus (chạy tự động)	Sán lá phổi	200.000
80	Cysticeroce (chạy tự động)	Sán lá gan nhỏ	200.000
5. Xét nghiệm phân			
81	Trứng giun, sán soi tươi phân	Tìm ký sinh trùng đường ruột (dành cho người lao động làm việc trong chế biến thực phẩm)	150.000
82	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh hệ thống tự động	Phân lập vi trùng (dành cho người lao động làm việc trong chế biến thực phẩm)	500.000
83	Máu ẩn trong phân	Tầm soát bệnh lý đại tràng, trực tràng	150.000
6. Phụ khoa			
84	Soi tươi huyết trắng	Tầm soát viêm nhiễm âm đạo	100.000
85	Pap Smear	Phát hiện sớm ung thư cổ tử cung	150.000
86	HPV Genotype	Đánh giá tình trạng nhiễm các chủng virus gây Ung thư Cổ tử cung	600.000
87	HPV Genotype + Pathtest	Đánh giá tình trạng nhiễm các chủng virus gây Ung thư Cổ tử cung và tầm soát ung thư cổ tử cung	900.000
88	Pap Liqui_Thins Prep	Phát hiện ung thư cổ tử cung, bảo vệ trong 3 năm	400.000